BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐỖ THỊ ÁNH NGUYỆT

HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CHI NHÁNH NHNO&PTNT HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng
Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐÀ NẴNG – NĂM 2013

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Hồ Hữu Tiến

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Trường Sơn

Phản biện 2: TS. Đinh Bảo Ngọc

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 12 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động tín dụng là nghiệp vụ chủ yếu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, mang lại 80-90% thu nhập của mỗi ngân hàng, tuy nhiên rủi ro của nó cũng không nhỏ. Rủi ro tín dụng cao quá mức sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh ngân hàng. Đứng trước những thời cơ và thách thức của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngân hàng thương mại trong nước với các ngân hàng thương mại nước ngoài, mà cụ thể là nâng cao chất lượng tín dụng, giảm thiểu rủi ro đã trở nên cấp thiết. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế thế giới đang diễn biến phức tạp và khủng hoảng tín dụng tăng cao. Việt Nam là một nước có nền kinh tế mở nên không tránh khỏi những ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới. Đứng trước tình hình đó, đòi hỏi các ngân hàng thương mại Việt Nam phải nâng cao công tác quản lý rủi ro tín dụng, hạn chế đến mức thấp nhất có thể những nguy cơ tiềm ẩn gây nên rủi ro. Đó là lý do đề tài " Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi" được tiến hành nghiên cứu nhằm nghiên cứu những nguy cơ tiềm ẩn, tình hình kinh doanh tín dụng thực tế tại chi nhánh Ngân hàng.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về các vấn đề liên quan đến hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng của các NHTM.

- Phân tích và đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đề xuất những giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh trong thời gian tới, góp phần nâng cao hiệu quả cho vay tiêu dùng của chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Đề cương làm sáng tỏ vấn đề sau:

- Quan niệm và nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng của NHTM?

- Thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh; thành công, hạn chế và nguyên nhân?

- Trong thời gian tới, để hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tốt hơn thì chi nhánh cần phải làm gì?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Lý luận và thực tiễn hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung: Đề tài tiếp cận vấn đề hạn chế rủi ro tín dụng dưới góc độ phòng ngừa và xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất, thiệt hại.

+ Về không gian, thời gian: Đề tài giới hạn các phân tích về thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2010 – 2012.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp so sánh, diễn dịch và quy nạp kết hợp với thống kê mô tả, tổng hợp, phân tích, đánh giá...Dựa vào dữ liệu đã có ở quá khứ, đi từ cơ sở lý luận, kế thừa và kết hợp với quan sát thực tiễn, rút ra giải pháp cụ thể nhằm hạn chế tối đa rủi ro tín dụng trong cho vay tại ngân hàng.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

Hệ thống hóa và tổng kết các lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay tiêu dùng của NHTM.

Khảo sát và đánh giá thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh, qua đó đề xuất giải pháp để cho công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hiệu quả hơn tại chi nhánh cũng như tại các NHTM khác.

7. Bố cục của luận văn

Để giải quyết các vấn đề trên, luận văn được chia làm ba chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng của NHTM

Chương 2: Thực trạng hạn chê rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi.

Chương 3: Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi.

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Trong quá trình nghiên cứu đã vận dụng lý thuyết về hạn chế rủi ro tín dụng và tham khảo các đề tài đã được công bố có nội dụng và phương pháp nghiên cứu tương tự để củng cố thêm về cơ sở lý luận và tính thực tiễn trong quá trình phân tích, đánh giá, đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng.

Trương Nhật Tân (03/02/2013), *Hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Gia Lai*, Luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng.

Đề tài trình bày các khái niệm về tín dụng ngân hàng, phân loại và vai trò của tín dụng. Khái niệm, phân loại, đặc điểm của rủi ro tín dụng. Các chỉ tiêu đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng.

Phân tích thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng tại chi nhánh. Tổng hợp và phân tích các chỉ tiêu nợ xấu, các hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.

Nguyễn Anh Vũ (2012), *Phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Quảng Nam*, Luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng.

Luận văn nêu ra được những tồn tại trong công tác phòng ngừa và hạn chế RRTD như:

+ Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa phát huy tốt vai trò.

+ Việc quản lý, kiểm tra, giám sát khoản vay còn lỏng lẽo, chưa kịp thời.

+ Công tác quản lý, đánh giá tài sản đảm bảo chưa tốt

+ Chất lượng cán bộ còn hạn chế, chưa nắm bắt chế độ, quy chế, quy định. Sự phối hợp giữa các phòng ban chưa chặt chẽ.

Lê Hòa Tân (2012), *Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Nha Trang*, Luận văn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng.

Luận văng qua phân tích thực trạng tại đơn vị tác giả đã nêu ra những vướng mắc trong công tác hạn chế RRTD tại ngân hàng như:

+ Vẫn còn tình trạng ngân hàng tập trung vốn vay vào một số khách hàng lớn, khó phân tán rủi ro. Khách hàng đến giao dịch tín dụng với ngân hàng đa số là khách hàng truyền thống, số lượng khách hàng mới chưa sử dụng tín dụng nhiều.

+ Việc thẩm định dự án, phương án kinh doanh chất lượng còn thấp, thiếu thông tin, thiếu thực tế, chưa có phân tích đánh giá độc lập theo điểm của ngân hàng, có những dự án việc thẩm định còn mang tính sao chép lại. Chưa chủ động lựa chọn khách hàng, hoặc chọn dự án… Công tác tiếp thị, chăm sóc và tiếp cận các khách hàng mới có tình hình tài chính lành mạnh về với ngân hàng cho vay của các phòng kinh doanh, nguồn vốn, ngoại tệ chưa tốt.

+ Khi phát hiện rủi ro thì chậm xử lý do những nguyên nhân như: Công tác kiểm tra trước, trong và sau cho vay còn hạn chế; cán bộ tín dụng còn hạn chế về mặt chuyên môn trong việc thẩm định, phân tích đánh giá nên không nhận thấy các dấu hiệu liên quan đến khách hàng; các bộ phận của ngân hàng không trao đổi thông tin thường xuyên;

những thông tin sử dụng trong phân tích tín dụng phần lớn do khách hàng cung cấp.

+ Ngân hàng chưa xây dựng các tiêu chí, dấu hiệu cảnh báo rủi ro tín dụng, hệ thống phân loại nợ chủ yếu dựa vào yếu tố định lượng tức là chỉ phát hiện rủi ro khi phát sinh nợ quá hạn.

+ Chưa có bộ phận chuyên xử lý nợ có vấn đề một cách hiệu quả.

Nguyễn Thanh Hòa (2011), *Giải pháp hạn chế rủi ro cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Đà Nẵng*, Luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng.

Đề tài trình bày các lý luận về hoạt động tín dụng và rủi ro cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp của NHTM, trong đó tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò và các phương thức cho vay, cũng như nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

Phân tích, đánh giá từ khái quát đến cụ thể tình hình cho vay, thực trạng rủi ro cho vay và những nguyên nhân dẫn đến rủi ro cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Đà Nẵng. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro này tại chi nhánh Ngân hàng.

Nguyễn Thị Mai (2011), *Giải pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP ngoài quốc doanh VPBank Chi nhánh Đà Nẵng*, Luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng.

Đề tài trình bày các lý luận về hoạt động tín dụng của NHTM, hệ thống lại các khái niệm, các tiêu chí đánh giá và cách thức nhận dạng rủi ro tín dụng.

Phân tích, đánh giá từ khái quát đến cụ thể tình hình cấp tín dụng, thực trạng nợ xấu và những nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng VPBank Chi nhánh Đà Nẵng. Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm hạn chế rủi ro này tại chi nhánh Ngân hàng.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1 RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm cho vay tiêu dùng

Khái niệm về cho vay và cho vay tiêu dùng

Theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 của Quốc hội Việt Nam định nghĩa *"Cấp tín dụng* là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác", luật này còn định nghĩa "*Cho vay* là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi". Cho vay tiêu dùng cũng là một hình thức cho vay mà mục đích vay là để tiêu dùng. Cho vay tiêu dùng là các khoản vay nhằm tài trợ cho nhu cầu chi tiêu của người tiêu dùng, bao gồm cá nhân và hộ gia đình.

Đặc điểm cho vay tiêu dùng

- Quy mô của từng hợp đồng cho vay thường nhỏ.
- Nhu cầu vay tiêu dùng của khách hàng thường phụ thuộc vào chu kỳ kinh tế.
- Khách hàng vay tiêu dùng là các cá nhân, hộ gia đình.
- Cho vay tiêu dùng có độ rủi ro cao bởi nguồn trả nợ của người vay có thể biến động lớn, nó phụ thuộc vào quá trình làm việc, kinh nghiêm, tài năng và sức khỏe của người vay.
- Tư cách khách hàng thường khó xác định.
- Lãi suất của cho vay tiêu dùng thường cao hơn cho vay trong các lĩnh vực khác.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng

a. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng

"RRTD trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động NH của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết".

b. Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng

Tín dụng trong cho vay tiêu dùng cũng có những rủi ro giống như tín dụng thông thường và có các đặc điểm sau:

- Rủi ro mang tính gián tiếp
- Rủi ro có tính chất đa dạng và phức tạp
- Rủi ro có tính tất yếu

1.1.3 Phân loại rủi ro tín dụng

a) Rủi ro giao dịch

Là loại RRTD có nguyên nhân từ hạn chế trong quá trình giao dịch và xét duyệt cho vay, đánh giá khách hàng. Rủi ro giao dịch bao gồm các bộ phân chính là rủi ro lựa chọn, rủi ro đảm bảo, rủi ro nghiệp vụ.

b) Rủi ro danh mục

Là loại RRTD phát sinh từ hạn chế trong quản lý danh mục cho vay của ngân hàng. Rủi ro danh mục bao gồm hai bộ phận chính: rủi ro nội tại và rủi ro tập trung

1.1.4 Hậu quả

a. Đối với NH

- Khi RRTD xảy ra, NH bị đọng vốn hoặc mất vốn.
- Thu nhập giảm làm cho việc mở rộng tín dụng sẽ gặp khó khăn
- Làm giảm khả năng hoàn trả các khoản tiền gửi của khách hàng đến hạn, phá vở kế hoạch kinh doanh của ngân hàng.
- Làm giảm uy tín của NH.

- Nếu mức độ xảy ra quá nghiêm trọng, nguồn vốn của NH không đủ bù đắp, vốn khả dụng bị thiếu, lòng tin của khách hàng suy giảm thì tất yếu sẽ dẫn tới phá sản NH.

b. Đối với nền kinh tế

NHTM có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, nó được coi là mạnh máu của nền kinh tế. RRTD gây hậu quả nghiêm trọng cho hoạt động của ngân hàng , ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các ngành nghề trong nền kinh tế, làm suy yếu nền kinh tế.

1.2 HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG CỦA NHTM

1.2.1 Quan niệm về hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng

- **Phòng ngừa rủi ro**

+ Ngăn ngừa: ngân hàng sử dụng các biện pháp ngăn ngừa rủi ro xảy ra, giám sát chặt chẽ các khoản vay, nâng cao chất lượng thẩm định.

+ Né tránh : Đối với những nguyên nhân khách quan không thể thay đổi như môi trường thì áp dụng các biện pháp né tránh, lựa chọn, điều chỉnh danh mục cho vay theo hướng thích hợp.

+ Phân tán: Đa dạng hóa danh mục cho vay nhằm giảm thiểu, phân tán rủi ro.

- **Xử lý khi rủi ro xảy ra nhằm giảm thiểu thiệt hại:**

+ Giảm thiểu: ngân hàng sử dụng chính sách bảo đảm tiền vay, gia hạn nợ để giảm thiểu thiệt hại

+ Trung hòa: sử dụng công cụ phái sinh, hoán đổi tín dụng để hạn chế rủi ro.

+ Chuyển giao: áp dụng các biện pháp bán các khoản nợ, bảo hiểm tín dụng.

+ Tự tài trợ: sử dụng các quỹ dự phòng để bù đắp tổn thất.

2.1.2 Nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng của NHTM

a) Tổ chức bộ máy quản lý cho vay tiêu dùng nói chung và quản lý RRTD trong cho vay tiêu dùng nói riêng

+ Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

+ Phân cấp, uỷ quyền rõ ràng trong hoạt động của hệ thống

+ Xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng bộ phận

+ Phát huy hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

b) Hoạch định và thực thi chính sách cho vay tiêu dùng hợp lý

+ Giới hạn cho vay tối đa

+ Đảm bảo tiền vay

+ Bảo hiểm tín dụng

+ Đa dạng hóa danh mục cho vay.

c) Chấp hành qui trình cho vay một cách chặt chẽ

+ Xem xét đề nghị vay và cho vay: thực hiện thẩm định, điều kiện, thủ tục vay.

+ Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay

+ Thu nợ và xử lý nợ

d) Tổ chức và khai thác tốt nguồn thông tin tín dụng về khách hàng vay tiêu dùng

e) Xác định giới hạn tín dụng hợp lý đối với từng khách hàng vay tiêu dùng

f) Hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ

g) Phân loại nợ chính xác và trích lập dự phòng xử lý rủi ro tín dụng phù hợp

h) Mua bảo hiểm tín dụng

k) Xử lý nợ có vần đề một cách hiệu quả

+ Tái cơ cấu khoản vay

+ Bổ sung thêm tài sản đảm bảo.

+ Bán nợ, phát mãi TSĐB, thu từ bảo hiểm để thu hồi nợ.

l) Nâng cao trình độ cán bộ về năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp

m) Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý

1.2.3 Các chỉ tiêu đo lường rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng của các NHTM

a) Sự thay đổi của cơ cấu dư nợ trong cho vay tiêu dùng theo khả năng thu

b) Mức giảm của tỷ lệ nợ xấu trong cho vay tiêu dùng

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} X \quad 100\%$$

c) Mức tăng giảm của tỷ lệ trích lập DPXLRR trong cho vay tiêu dùng

Số tiền dự phòng cụ thể phải trích được tính theo công thức sau:

R = max {0, (A - C)} x r

Trong đó: **R**: số tiền dự phòng cụ thể phải trích

A: giá trị của khoản nợ

C: giá trị của tài sản bảo đảm (tùy theo loại TSĐB để áp dụng tỷ lệ tối đa xác định giá trị của TSĐB)

r: tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể

d) Mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng trong cho vay tiêu dùng

$$\text{Tỷ lệ xóa nợ ròng} = \frac{\text{Các khoản xóa nợ ròng}}{\text{Tổng dư nợ}} x \quad 100\%$$

1.2.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng của NHTM.

a. Nhân tố bên trong

- Chính sách tín dụng và quy trình tín dụng.
- Chất lượng đội ngũ nhân viên ngân hàng.
- Hệ thống thông tin trong và ngoài ngân hàng.

b. Nhân tố bên ngoài.

- Nguyên nhân từ chính trị, pháp luật
- Nguyên nhân từ phía môi trường kinh tế không ổn định.
- Nguyên nhân từ khách hàng:
- Cạnh tranh của các ngân hàng.
- Chính sách chồng chéo của Nhà nước.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN SƠN TỊNH TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1 GIỚI THIỆU VỀ NHNo&PTNT HUYỆN SƠN TỊNH

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2 Cơ cấu bộ máy tổ chức

2.1.3 Môi trường kinh doanh

2.1.4 Kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong thời gian qua

Bảng 2.1: Kết quả kinh doanh của NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh trong 3 năm 2010 - 2012

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	Tỷ lệ tăng giảm (%)	
				2011 so với 2010	2012 so với 2011
I. Huy động	**246.972**	**302.232**	**475.047**	**22,38**	**57,18**
II. Dư nợ	**248.013**	**271.759**	**303.803**	**9,57**	**1,79**
III. Kết quả kinh doanh					
1. Thu nhập	**40.566**	**67.028**	**64.781**	**65,23**	**-3,35**
Thu lãi cho vay	33.935	59.690	61.415	75,90	2,89
Thu lãi tiền gửi	5.639	5.908	1.699	4,77	-71,24
Thu từ dịch vụ	667	868	1.046	30,13	20,51
Thu khác	325	562	621	72,92	10,50
2. Chi phí	**31.707**	**53.702**	**48.961**	**69,37**	**-8,83**
Chi trả lãi tiền gửi	19.303	36.035	38.134	86,68	5,82
Chi khác	12.403	17.668	10.827	42,45	-38,72
Chênh lệch thu–chi	**8.859**	**13.326**	**15.820**	**50,42**	**18,72**

(Nguồn: Báo cáo thường niên của chi nhánh NHNo&PTNT Sơn Tịnh trong 3 năm 2010-2012)

Qua phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh trong các năm 2010- 2012 ta thấy hoạt động kinh doanh có chiều hướng tăng trưởng tốt và lợi nhuận hàng năm tăng

2.2.1 Tình hình cho vay tiêu dùng của chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh trong thời gian qua

Bảng 2.2 Dư nợ cho vay tiêu dùng tại chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	*Tỷ lệ tăng, giảm* (%)	
				2011/2010	2012/2011
1. Theo thời hạn cho vay					
- Ngắn hạn	5.075	10.721	15.027	111,25	40,16
- Trung và dài hạn	6.928	5.736	3.480	-17,21	-39,33
2. Theo loại tiền cho vay					
- Dư nợ cho vay VNĐ	12.003	16.457	18.507	37,11	12,46
- Dư nợ cho vay bằng ngoại tệ	0	0	0	0	0
Tổng dư nợ	***12.003***	***16.457***	***18.507***	***37,11***	***12,46***

(Nguồn: Báo cáo thường niên của NHNo&PTNT Sơn Tịnh trong 3 năm 2010-2012)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy: tỷ lệ vay ngắn hạn tăng hàng năm và chiếm tỷ trọng khá cao trên tổng dư nợ.

2.2.2 Các giải pháp Chi nhánh đã thực hiện để hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng

a. Định hướng, mục tiêu công tác quản lý rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng

b. Chính sách cho vay tiêu dùng

c. Triển khai thực hiện quy trình cho vay

d. Tổ chức và khai thác nguồn thông tin tín dụng về khách hàng vay tiêu dùng

e. Phân loại nợ chính xác và trích lập dự phòng xử lý rủi ro tín dụng phù hợp

2.2.3 Kết quả hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng của chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh

a. *Sự thay đổi của cơ cấu dư nợ theo khả năng thu.*

Bảng 2.4 *Tình hình cơ cấu dư nợ trong cho vay tiêu dùng từ năm 2010 - 2012*

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Tỷ trọng (%)	Năm 2011	Tỷ trọng (%)	Năm 2012	Tỷ trọng (%)
Nhóm 1	8.678	72,3	12.343	75	12.768	69
Nhóm 2	1.440	12	2.304	14	2.961	16
Nhóm 3	1.680	14	1.481	9	2.498	13,5
Nhóm 4	120	1	197	1,2	148	0,8
Nhóm 5	85	0,7	132	0,8	130	0,7
Tổng cộng	**12.003**	**100**	**16.457**	**100**	**18.507**	**100%**

(Nguồn: Báo cáo thường niên của NHNo&PTNT Tịnh năm 2010-2012)

b. Mức tăng giảm của tỷ lệ nợ xấu trong cho vay tiêu dùng theo nhóm

Bảng 2.5 *Tình hình tăng giảm nợ xấu theo nhóm trong cho vay tiêu dùng từ năm 2010 – 2012*

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Tỷ trọng (%)	Năm 2011	Tỷ trọng (%)	Năm 2012	Tỷ trọng (%)
Nhóm 3	1.680	14	1.481	9	2.498	13,5
Nhóm 4	120	1	197	1,2	148	0,8
Nhóm 5	85	0,7	132	0,8	130	0,7
Tổng	1.885	15,7	1.810	11	2.776	15

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh 2010-2012)

Theo bảng số liệu 2.4, cho thấy nợ xấu trong cho vay tiêu dùng của Chi nhánh tăng dần qua các năm. Năm 2010, nợ nhóm 4 (nợ nghi ngờ)

và nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) chiếm tỷ trọng rất nhỏ, nhưng nợ nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn) rất cao. Đến năm 2011 và 2012, ban lãnh đạo đã quan tâm hơn trong công tác xử lý nhưng tổng số nợ xấu tăng cao qua các năm cho thấy công tác phòng ngừa nợ xấu vẫn chưa phát huy tác dụng và vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

c. Kết quả thu hồi nợ xử lý rủi ro trong cho vay tiêu dùng

Bảng 2.6 Tình hình trích lập DPRR trong cho vay tiêu dùng từ năm 2010 – 20122

ĐVT:Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Nợ gốc đã xử lý rủi ro	4.189	3.415	3.701
2	Thu nợ xử lý rủi ro	660	669	999
3	Xử lý bằng quỹ DPRR	670	960	1.415
4	Nợ xấu	1.885	1.810	2.776
5	Tỷ lệ (thu hồi nợ/nợ xấu)	70,56	90	86,87

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của NHNo&PTNT Sơn Tịnh năm 2010-2012)

Qua bảng số liệu trên ta thấy tỷ lệ thu hồi nợ xấu qua các năm tăng cho thấy các biện pháp xử lý nợ xấu của Chi nhánh đã có hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu thấp thể hiện chất lượng các khoản vay có khả năng mất vốn ít nên làm cho tình hình tài chính của chi nhánh ngày càng lành mạnh.

d. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng.

Bảng 2.7 Kết quả xử lý RRTD trong cho vay tiêu dùng theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Biện pháp	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Thu nợ	60,12	62,74	58,28
2	Phát mãi tài sản	17,58	12,59	16,64
3	Xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	10,34	13,22	14,79
4	Cơ cấu lại khoản vay của khách hàng	11,96	11,45	10,29
	Tổng cộng (%)	100	100	100

(Nguồn: Báo cáo thường niên qua các năm 2010-2012)

Hiện nay chi nhánh đang thực hiện nhiều biện pháp xử lý nợ như: Thu nợ, Phát mãi tài sản, Xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro, Cơ cấu lại các khoản vay.

2.3 ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN SƠN TỊNH

2.3.1 Thành công

Dư nợ cho vay tiêu dùng tăng, số lượng các khách hàng có quan hệ tín dụng với chi nhánh ở mức cao và ngày càng đa dạng về ngành nghề.

Cơ cấu dư nợ tín dụng trong cho vay tiêu dùng được dịch chuyển theo hướng an toàn hơn: tăng tỷ lệ cho vay ngắn hạn, giảm cho vay trung dài hạn.

Hoạt động tín dụng đối với khách hàng vay tiêu dùng có tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu của chi nhánh luôn thấp hơn mặt bằng chung . Để đạt được những kết quả trên nguyên nhân chủ yếu là do chi nhánh đã có những giải pháp hữu hiệu trong công tác phòng ngừa và hạn chế RRTD đối với khách hàng vay tiêu dùng như sau:

Thứ nhất, đã tổ chức một quy trình tín dụng rõ ràng: mỗi phòng ban bộ phận có chức năng riêng phần nào đã tạo ra sự chuyên nghiệp trong quy trình tín dụng

Thứ hai, thực hiện tốt công tác trích lập dự phòng rủi ro, phân loại nợ theo quy định của NHNN.

Thứ ba, chi nhánh đã áp dụng chính sách tín dụng riêng dành cho khách hàng cá nhân với các sản phẩm tín dụng tương đối đa dạng.

2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

- Mô hình hoạt động của chi nhánh chưa hợp lý, thiếu sự phân bố chức năng nhiệm vụ và chủ yếu mang tính chất hành chính.

- Hoạt động cho vay tại Chi nhánh phụ thuộc nhiều vào tài sản đảm bảo nhưng việc định giá TSĐB còn sơ sài.

- Tại Chi nhánh không có bộ phận xử lý nợ chuyên trách, chỉ có Ban xử lý nợ bao gồm những cán bộ kiêm nhiệm nhiều công việc do vậy có những hạn chế nhất định.

- Chi nhánh chưa xây dựng phương pháp nhận diện và phân loại RRTD không thống nhất

- Nguồn thông tin để phân tích và thẩm định tín dụng còn hạn chế

- Công tác thẩm định uy tín nợ nần của khách hàng chưa được coi trọng đúng mức.

- Tổ chức quản lý rủi ro tín dụng tại chi nhánh thực hiện theo cơ chế Hội sở giao chỉ tiêu cho như chỉ tiêu về dư nợ, nợ xấu, nợ quá hạn từ đó đánh giá năng lực và xếp loại lương, thưởng.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát sau giải ngân không thường xuyên và còn mang tính hình thức.

- Công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng

b) Nguyên nhân

Thứ nhất, các nguyên nhân thuộc về khách hàng

- Thông tin mà khách hàng cung cấp còn hạn chế.

- Một số khách hàng cố tình chây ì, mặc dù có khả năng nhưng thiếu ý chí trả nợ.

- Do năng lực tài chính yếu kém của khách hàng

Thứ hai, nguyên nhân từ môi trường kinh tế-chính trị-xã hội

- Môi trường kinh tế chưa thực sự ổn định, các chính sách và cơ chế quản lý vĩ mô nền kinh tế của nhà nước đang trong quá trình điều chỉnh, đổi mới và hoàn thiện.

- Trong những năm qua, nước ta thường xuyên phải đối phó với thiên tai, dịch bệnh như dịch cúm gia cầm, bão lụt… gây không ít khó khăn cho khách hàng cá nhân.

Thứ ba, chưa xây dựng được một chính sách tín dụng cụ thể và thích hợp với từng thời kỳ.

Thứ tư, hiệu quả hoạt động của cán bộ tín dụng và công tác thẩm định tín dụng.

Thứ năm, hệ thống thông tin của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Sơn Tịnh chưa được hoàn thiện.

Thứ sáu, công tác kiểm tra kiểm soát sau khi cho vay còn hạn chế, qua loa, chiếu lệ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 Trong chương 2, luận văn trình bày các nội dung về sơ đồ tổ chức, kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Sơn Tịnh trong giai đoạn 2010 - 2012; thực trạng hạn chế rủi ro cho vay tiêu dùng, công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu. Có thể nhận thấy công tác hạn chế rủi ro cho vay tiêu dùng đã gặt hái được nhiều thành công, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định cần phải khắc phục. Từ đó, làm cơ sở để đưa ra các giải pháp, kiến nghị để khắc phục những vấn đề còn tồn tại tại chi nhánh nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng ở mức có thể chấp nhận được trình bày ở chương 3 của luận văn.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN SƠN TỊNH TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1 ĐỊNH HƯỚNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG CỦA CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN SƠN TỊNH TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1.1 Định hướng của chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh trong thời gian tới

- Hoàn thành các kế hoạch mà Hội sở giao cho về huy động, dư nợ, chất lượng nợ, …
- Xử lý các tồn tại, phát triển an toàn, bền vững, tôn trọng pháp luật
- Kiểm soát chất lượng tín dụng toàn hệ thống, thực hiện đánh giá phân loại nợ, phản ánh đúng chất lượng tín dụng của chi nhánh, kiểm soát nợ xấu, kịp thời phát hiện những rủi ro tiềm ẩn để kịp thời có các biện pháp xử lý nhằm lành mạnh hóa hoạt động kinh doanh của toàn chi nhánh.

3.1.2 Định hướng cho vay tiêu dùng của chi nhánh NHNo&PTNT huyện Sơn Tịnh

- Khách hàng vay tiêu dùng phải có tài sản đảm bảo
- Khách hàng phải có tình hình tài chính lành mạnh
- Cân đối vốn cố định hàng năm dành cho đầu tư khách hàng cá nhân trên cơ sở chiến lược và mục tiêu chung hàng năm
- Xây dựng danh mục tín dụng phù hợp cho từng thời kỳ
- Chuẩn hóa về cơ chế, chính sách, quy trình thủ tục cho vay, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đảm bảo thống nhất, chặt chẽ, đầy đủ các yếu tố pháp lý
- Đa dạng hóa được ngành nghề, khách hàng vay và phương thức cho vay
- Chuẩn hóa về cơ chế, chính sách, quy trình thủ tục cho vay, cung

cấp dịch vụ cho khách hàng đảm bảo thống nhất, chặt chẽ, đầy đủ các yếu tố pháp lý

- Xây dựng gói sản phẩm phù hợp đa dạng: cho vay, thấu chi, bảo lãnh…
- Xây dựng hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín nhiệm nội bộ

3.1.3 Định hướng hạn chế RRTD đối với hoạt động cho vay tiêu dùng

- Thực hiện mục tiêu phương châm kinh doanh " tăng trưởng bền vững -chất lượng - hiệu quả - an toàn" trên nguyên tắc đảm bảo công tác tín dụng an toàn và hiệu quả, chủ động gắn tăng trưởng tín dụng với kiểm soát chất lượng tín dụng; tăng tỷ trọng tín dụng bán lẻ, cho vay ngắn hạn, nâng tỷ trọng cho vay có tài sản đảm bảo, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của NHNo&PTNT Việt Nam về giao dịch giới hạn tín dụng và các quy định trong trong quy trình dịch vụ.
- Thực hiện phân loại nợ xấu, phân loại khách hàng, định hạng xếp loại khách hàng, kiên quyết không cho vay đối với những khách hàng yếu kém, làm ăn không hiệu quả, chây ỳ trả nợ, hoạt động thiếu minh bạch…
- Thực hiện đúng quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy chế ủy quyền phán quyết và các giới hạn, cơ cấu tín dụng đã đề ra. Đảm bảo thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn điều kiện tín dụng cho vay.
- Tăng cường công tác kiểm tra tín dụng ở tất cả các khâu trước, trong và sau khi cho vay nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hán chế rủi ro tới mức thấp nhất. Thường xuyên đánh giá, phân tích thực trạng các khoản vay, đặc biệt là các khoản NQH, các khoản vay có tiềm ẩn rủi ro.
- Tăng cường giám sát hoạt động đảm bảo tính tuân thủ và cẩn trọng đặc biệt đối với hoạt động tín dụng.
- Tập trung đánh giá và phân tích khách hàng hoạt động tại chi nhánh, kể cả các khách hàng không hoạt động tiền gửi để có chính sách

thu hút khách hàng về hoạt động khép kín tại chi nhánh.

3.2 GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TIÊU DÙNG TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN SƠN TỊNH

3.2.1 Đa dạng hóa hình thức cho vay, đối tượng khách hàng, điều kiện đảm bảo trong cho vay tiêu dùng

Việc mở rộng cho vay tiêu dùng rất quan trọng, lợi ích từ hình thức cho vay này rất tiềm năng và có lợi cho người tiêu dùng, cho ngân hàng và cho cả nền kinh tế. Vì vậy cần đa dạng hóa các hình thức cho vay để đáp ứng cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

3.2.2 Chấp hành đúng qui trình tín dụng trong cho vay tiêu dùng

3.2.3 Nâng cao chất lượng phân tích, thẩm định tín dụng trong cho vay tiêu dùng

3.2.4 Xây dựng một hệ thống cảnh báo sớm dấu hiệu rủi ro tín dụng

Các dấu hiệu RRTD cần lưu ý:

- Đề nghị gia hạn điều chỉnh kì hạn nợ nhiều lần với lý do không chính đáng
- Đề nghị tăng thêm hạn mức hoặc vay thêm với lý do không chính đáng hoặc bất chấp lãi suất cao.
- Thanh toán lãi, nợ gốc không đúng thời hạn.
- Tài sản đảm bảo sụt giảm giá trị, không đủ tiêu chuẩn

3.2.5 Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Đối với công tác kiểm tra nội bộ: Cần có sự làm rõ trách nhiệm của bộ phận kiểm tra kiểm toán nội bộ trong ngân hàng đối với các cán bộ vay vốn. Ngoài ra để nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát nội bộ.

Đối với công tác giám sát việc sử dụng vốn vay: NH cần phải tổ chức theo dõi chặt chẽ việc sử dụng vốn vay của khách hàng. Nếu phát

hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích cán bộ giám sát có thể kiến nghị thu hồi nợ trước hạn hoặc chuyển nợ quá hạn.

3.2.6 Hoàn thiện công tác phân loại nợ, trích lập và xử lý quỹ DPRR tín dụng trong cho vay tiêu dùng

Công tác phân loại nợ: Phân loại nợ vay là việc áp dụng hệ thống tiêu chuẩn phù hợp với quy định của NHNN và chuẩn mực quốc tế để phân chia thành các nhóm nợ vay tương ứng với mức độ rủi ro của khoản vay, từ đó sẽ có biện pháp quản lý, xử lý rủi ro cho từng khoản nợ.

Đối với việc trích lập DPRR: Chi nhánh cần cải tiến cách trích lập DPRR theo hướng: Trích lập khoản dự phòng chung cho hoạt động nghiệp vụ, Dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ xấu

Đối với việc sử dụng quỹ DPRR để xử lý rủi ro: cần tăng cường tính chủ động, thẩm quyền của Chi nhánh trong việc sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro (tăng thẩm quyền của Giám đốc chi nhánh đối với một số trường hợp xoá nợ gốc, lãi thay vì phải trình Tổng giám đốc như hiện nay).

3.2.7 Sử dụng công cụ bảo hiểm một cách thích hợp

3.2.8 Có chính sách quản lý nhân sự phù hợp, chú trọng nâng cao trình độ năng lực, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên làm công tác tín dụng

3.2.9 Tăng cường cập nhật, phân tích và khai thác nguồn thông tin tín dụng trong cho vay tiêu dùng.

3.3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1 Kiến nghị với Chính phủ

Hoàn thiện hệ thống pháp luật ngân hàng

Điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả

3.3.2 Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước

Cần đẩy nhanh tiến trình cơ cấu lại và lành mạnh hóa tài chính

Nghiên cứu và triển khai các công cụ bảo hiểm tín dụng

Cần hoàn thiện các văn bản quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng tỷ lệ đảm bảo an toàn

Tăng cường công tác thanh tra của NHNN

3.3.3 Kiến nghị với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

- Thực hiện tốt công tác dự báo và định hướng tín dụng cho các chi nhánh trong từng giai đoạn phát triển kinh tế, tránh tình trạng khi rủi ro tín dụng xảy ra ở nhiều chi nhánh mới có những khuyến cáo.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam nên có những biện pháp nhằm thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, tập trung nhiều vào hướng phát triển các dịch vụ.

- Nâng cao năng lực công nghệ. Để có thể phát huy hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, Agribank Việt Nam cần xây dựng chiến lược công nghệ dài hạn, tận dụng tối đa hiệu quả công nghệ dựa trên lợi thế quy mô đồng thời góp phần giảm thiểu sự lãng phí do đầu tư không đồng bộ.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung và chất lượng đội ngũ những người làm công tác cho vay nói riêng.

- Là đầu mối thông tin, Agribank Việt Nam sẽ giúp cho tất cả các chi nhánh trong hệ thống có thể trao đổi thông tin với nhau, việc này giúp cho cán bộ ngân hàng có thể nâng cao khả năng, trình độ hiểu biết, cọ xát, tăng tính nhạy bén trong nghiệp vụ, sáng tạo trong việc đưa ra các biện pháp giải quyết rủi ro tín dụng nhằm nâng cao lợi nhuận cũng như khả năng cạnh tranh với các ngân hàng khác.

KẾT LUẬN

Từ lý luận chung về hạn chế rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại, cùng với thực tiễn đang diễn ra tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Sơn Tịnh, với đề tài "Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Sơn Tịnh", một số giải pháp nhằm tăng cường hạn chế rủi ro tín dụng đã được đưa ra như: Hoàn thiện chính sách tín dụng, chú trọng hơn nữa vào công tác cán bộ, hoàn thiện hệ thống thu thập, xử lý thông tin, đẩy mạnh công tác thẩm định tín dụng, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Đồng thời, để hỗ trợ ngân hàng tăng cường hạn chế rủi ro tín dụng, một số kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam cũng đã được đề cập trong luận văn.

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sơn Tịnh, từ đó xây dựng hệ thống quản lý nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng của chi nhánh phù hợp với quy định quản lý của Nhà nước, của ngành theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế, trong phạm vi của đề tài, luận văn đã trình bày một số nội dung:

Thứ nhất, những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng, qua đó nhận thức được về sự cần thiết phải hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sơn Tịnh.

Thứ hai, phân tích thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sơn Tịnh từ đó chỉ ra những kết quả đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân tồn tại.

Cuối cùng, trên cơ sở phân tích thực trạng, những vấn đề còn tồn tại trong hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng gắn với những lý luận và kinh nghiệm quản lý của một số ngân hàng, luận văn đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sơn Tịnh.